



SỞ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
TỶ LỆ 1/500

Công trình: QUY HOẠCH TRUNG TÂM XÃ PHƯỚC MỸ,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN.

Địa điểm: xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chủ đầu tư: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ QUY NHƠN
Đơn vị tư vấn:

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH.

Địa chỉ: 75 Mai Xuân Thưởng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056. 3 827 293- 3 827 294 Fax: 056. 3 811 330

— Quy Nhơn, 08/2009 —

05/03/2014 14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Công trình: Quy hoạch trung tâm xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn

Tỷ lệ bản đồ khảo sát 1/500

I. PHẦN MỞ ĐẦU:

1. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch chi tiết:

Thành phố Quy Nhơn là trung tâm chính trị - văn hóa khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định, là cửa ngõ quan trọng của Tây Nguyên, là một trong những đô thị hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm Miền trung Tây nguyên, tạo ra sự liên kết phát triển với các tỉnh Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ có một ý nghĩa hết sức to lớn trong giai đoạn tới.

Xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn là xã nằm ở phía Tây Nam thành phố Quy Nhơn, là một xã miền núi có nhiều khó khăn trong việc giao thông, hoạt động kinh tế chính trị của địa phương nói riêng và của thành phố nói chung.

Theo quyết định số 98/2004/QĐ-CP ngày 01/06/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung của thành phố Quy Nhơn đến năm 2020 là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quy hoạch chi tiết cho các phường, xã trên địa bàn thành phố nói chung và của xã Phước Mỹ nói riêng. Theo định hướng thì đến năm 2020 thì xã Phước Mỹ được đô thị hóa trên cơ sở những quỹ đất hiện nay, đồng thời kéo dân dân cư nội thành, ... quy mô định hướng phát triển về tương lai trở thành một trong những Quận của thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thành phố Quy Nhơn có tốc độ phát triển nhanh, nhiều dự án về xây dựng Công nghiệp, nhà ở, khu dân cư, thương mại dịch vụ, du lịch dịch vụ, chỉnh trang đô thị đã và đang triển khai. Để thuận lợi cho việc giao đất, thuê đất, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, dịch vụ thương mại đòi hỏi phải có quy hoạch chi tiết về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, gắn với quy hoạch chung của thành phố tránh trường hợp lâm trước quy hoạch sau. Việc lập quy hoạch chi tiết xã Phước Mỹ là sự cần thiết và cấp bách để quản lý về đất đai, xây dựng đô thị đồng thời qua đó nắm được quỹ đất hiện có để có sự kêu gọi đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, những dự án phát triển kinh tế xã hội của thành phố Quy Nhơn.

05/03/2014 1

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, phát triển xã Phước Mỹ trở thành khu công nghiệp - thương mại, các cấp lãnh đạo UBND tỉnh Bình Định đã sớm quan tâm và yêu cầu các Sở ban ngành, UBND thành phố quy hoạch chi tiết các khu, điểm dân cư, khu công nghiệp đến nay thì đã được quy hoạch chi tiết một cách cụ thể. Qua đó đẩy nhanh các bước giao đất, cho thuê đất đối với các dự án thật sự có nhu cầu sử dụng đất, tránh tình trạng cho thuê đất, chạy dự án, sử dụng đất một cách lãng phí, không hiệu quả làm chậm sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Để thực hiện tốt, có chất lượng về quy hoạch xây dựng chi tiết khu Trung tâm xã Phước Mỹ đòi hỏi cần phải tiến hành khảo sát thực địa, xác định hiện trạng, địa hình địa vật,...đảm bảo việc quy hoạch xây dựng không bị trùng lặp, tính toán quy mô xây dựng công trình, tính toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sau này một cách chính xác.

2. Các căn cứ lập quy hoạch:

a. Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/1/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Thông tư 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Thông tư 12/2008/TT-BXD ngày 07/05/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

05/03/2014

- Đơn giá xây dựng công trình- Phần khảo sát xây dựng tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Văn bản số 3373/UBND- XD ngày 29/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 1134/QĐ-CTUBND ngày 14/5/2009 của Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, quy hoạch xây dựng công trình Trung tâm xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn;

- Căn cứ Tiêu chuẩn XDVN 309.204;

- Căn cứ theo quy phạm đo vẽ chuyên ngành;

- Căn cứ theo 14 TCN-110-2000. Thành phần, nội dung và khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn.

b. Nguồn tài liệu, số liệu:

- Bản đồ quy hoạch chung toàn thành phố Quy Nhơn đến năm 2020 do Viện quy hoạch đô thị nông thôn lập năm 2004;

- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 do Sở Tài nguyên & Môi trường lập;

- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/20.000 của Bộ Tài nguyên & Môi trường lập;

- Bản đồ 1/50.000 U.T.M.

- Đơn giá khảo sát công trình .

- Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội do địa phương và các cơ quan liên quan cung cấp;

II. ĐẶC ĐIỂM KHU ĐO KHẢO SÁT CÔNG TRÌNH:

1. Điều kiện tự nhiên:

1.a Vị trí địa lý:

Xã Phước Mỹ có vị trí nằm ở phía Tây Nam của thành phố Quy Nhơn có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước;
- Phía Nam giáp: Xã Xuân Lộc, Huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên;
- Phía Đông giáp: Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;
- Phía Tây giáp: Xã Canh Vinh, Huyện Vân Canh;

1.b Diện tích đất tự nhiên:

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn phường là: 6.810,0 ha

- Trong đó:
- Đất nông nghiệp chiếm là: 6.100,48 ha;
 - Đất phi nông nghiệp chiếm là: 263,37 ha;
 - Đất chưa sử dụng chiếm là: 446,15 ha;

05/03/2014 1

(Số liệu đăng ký thống kê đất hàng năm của Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Quy Nhơn được tính đến ngày 01/01/2009).

1.c Địa hình tự nhiên:

Địa hình tự nhiên của xã Phước Mỹ có địa hình tương đối cao so với địa hình toàn thành phố Quy Nhơn, có hướng dốc từ Tây sang Đông.

Cao độ trung bình của xã Phước Mỹ là: 15,0 – 30,0m;

Về phân vùng kiểm soát lũ: Khu vực xã Phước Mỹ tập trung chủ yếu các tuyến nước suối chảy về từ các khu núi (Hướng từ Tây sang Đông).

1.d Điều kiện khí hậu:

Thành phố Quy Nhơn nằm trong vùng khí hậu vùng trung trung bộ. Về mùa đông ít lạnh rõ rệt, so với Huế đã chênh lệch từ 3 - 4⁰C, chế độ mưa ẩm cũng chi đạt vào loại trung bình, lượng mưa trung bình năm vào cỡ 1600mm-1700mm; Về mùa hè có điều kiện khí hậu khá đồng đều, có 4 tháng nhiệt độ trung bình vượt quá 28⁰C (từ tháng 4 đến tháng 7); Về mùa Bão mùa mưa bão ở đây cũng rất dữ dội thường tập trung vào tháng 9 đến tháng 11 trong đó tập trung vào tháng 10 là tháng có nhiều bão nhất.

Một số đặt trưng khí hậu:

Nhiệt độ trung bình năm: 26,6⁰C.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình: 24,0⁰C.

Nhiệt độ cao nhất trung bình năm: 30,8⁰C.

Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối: 39,9⁰C.

Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối: 15,0⁰C.

Tổng số giờ nắng cả năm: 2.521 giờ.

Độ ẩm tương đối trung bình: 83%.

Độ ẩm tương đối thấp nhất: 35,7%.

Độ ẩm tương đối trung bình: 78%.

Lượng mưa trung bình năm: 1600mm - 1700mm.

Về mùa gió: Mùa đông thịnh hành gió Tây Bắc đến Bắc, mùa hạ hướng gió Đông đến Đông Nam, nhưng chiếm ưu thế trong nửa đầu mùa Hạ hướng Tây đến Tây Bắc.

2. Các vấn đề hiện trạng:

2.a Về dân số lao động:

Theo niên giám thống kê năm 2007 toàn thành phố Quy Nhơn có quy mô dân số trung bình năm: 17.928 người.

Mật độ dân số trung bình: 1.221 người/km².

05/03/2014

Tỷ lệ sinh dân số trung bình 1,23%, trong đó phân theo giới tính: 1,03% (nam), 1,42% (nữ).

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động trung bình là: 58,05%.

2.b Về nhà ở và giáo dục:

- Hiện trạng nhà ở chủ yếu là dọc theo tuyến đường chính và các nhóm nhà ở tập trung các khu vực dân cư đông, theo dạng nhà vườn mang tính chất nông thôn, loại nhà chủ yếu là nhà cấp 4. Thành phố Quy Nhơn đã và đang triển khai các khu quy hoạch dân cư, khu đô thị cấp cao, biệt thự nhà vườn,... nhằm phục vụ dân cư nội thành trong trung tâm thành phố, người có thu nhập trung bình

- Hiện trạng các công trình giáo dục trên địa bàn xã Phước Mỹ bao gồm: 2 trường phổ thông cơ sở, 1 trường tiểu học, một số lớp mẫu giáo tại các khu vực dân cư tập trung. Từ những năm trở lại đây Thành phố đầu tư xây dựng mới các lớp mẫu giáo kết hợp với khu sinh hoạt nhân dân trong khu vực đạt tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời đang triển khai thực hiện việc giải phóng mặt bằng.

- Về cơ sở Y tế: Gồm 1 trạm y tế cấp phường, Thành phố Quy Nhơn có chủ trương đầu tư xây dựng nâng cấp mới trạm y tế phường.

- Các công trình phục vụ công cộng: Trước đây xã Phước Mỹ là phường ngoại thành của thành phố Quy Nhơn nên việc quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng còn thiếu, các công trình xây dựng còn nghèo nàn chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ dân sinh. Hiện trạng chỉ có 1 trường THCS khi đi học phải đi chuyển xa với phương tiện thô sơ, nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá ngành giáo dục UBND tỉnh, thành phố đã đầu tư các tuyến xe buýt, xây dựng mới các lớp học đạt tiêu chuẩn quốc gia trên địa bàn xã Phước Mỹ. Trụ sở UBND xã vừa mới được nâng cấp mới (2 tầng), Trạm y tế phường, chạy dọc theo tuyến đường chính,...các công trình phục vụ cho nhân dân còn thiếu như: Sân vận động, khu sinh hoạt nhân dân, công viên, sân chơi cho thiếu nhi, nhà văn hóa...Để từng bước hoàn thiện các cơ sở phục vụ lợi ích công cộng đồng thời góp phần nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chung của thành phố Quy Nhơn, UBND xã Phước Mỹ, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND tỉnh đã và đang đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình trọng điểm trên địa bàn xã.

3. Đánh giá tổng hợp chung:

a. Về ưu điểm:

- Dân cư hình thành theo kiểu nhà vườn, làng xóm nằm rải rác, mật độ xây thấp (chủ yếu là nhà cấp 4), kết hợp với cảnh quan thiên nhiên đẹp có các suối chảy tự nhiên cắt ngang khu vực, đây là điều kiện thuận lợi cho việc thành khu đô thị mới của thành phố Quy Nhơn mang nét đặc trưng riêng.

- Được sự quan tâm của các cấp ngành trong tỉnh tạo điều kiện cho việc thành và phát triển xây dựng các công trình công cộng phục vụ lợi ích công

05/03/2014 14

cộng, lợi ích kinh tế xã hội cho xã Phước Mỹ nói riêng và của UBND thành phố Quy Nhơn nói chung góp phần thúc đẩy nhanh việc nâng cấp đô thị thành phố Quy Nhơn lên đô thị loại I trong thời gian đến.

- Được sự quan tâm của cấp chính quyền địa phương đã tạo điều thuận lợi cho tổ khảo sát tiến hành thuận lợi.

- Người dân địa phương ủng hộ chủ trương về mặt quy hoạch xây dựng.

b. Về nhược điểm:

- Các tuyến đường giao thông, khu dân cư trong vực chưa phát triển đồng bộ nên kinh phí đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật,... khá tốn kém.

- Chỉ có một tuyến đường chính vào trong xã Phước Mỹ (từ phường Bùi thị Xuân vào) là con đường độc đạo, xung quanh bao bọc bởi các ngọn núi cao, chỉ có thể phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp.

- Một số vùng bị nhiễm mặn không có nước sạch cần phải đầu tư hệ thống dẫn nước trong khu vực.

- Hệ thống nước sinh hoạt chưa đáp ứng kịp, UBND thành phố chỉ mới đầu tư hệ thống nước sạch bằng phương pháp bơm dẫn ống tại thôn Thanh Long, còn các thôn khác trong xã chưa đáp ứng kịp nên người dân chỉ dùng nước giếng bơm, hoặc nước mưa thông thường.

- Vùng khu vực khảo sát quy hoạch có diện tích lớn, một số công trình đang thi công, các loại cây trồng, cây ăn trái, hoa màu,...

PHẦN HAI

CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

YÊU CẦU THIẾT BỊ VÀ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT

I. Yêu cầu thiết bị:

- Dùng máy toàn đạc điện tử Leica TC-405 của Thụy Sĩ để đo bình đồ.
- Dùng máy GPS để quy chuẩn hệ tọa độ nhà nước theo VN 2000.
- Thước thép cuộn có vạch khắc đến mm để đo cạnh.
- Máy tính có chương trình phần mềm lập sẵn.
- Mì, thước, giấy vẽ, ...

Tất cả các thiết bị trên được kiểm tra và hiệu chỉnh theo quy phạm chuyên môn cho phép.

II. Yêu cầu công tác khảo sát địa hình (theo yêu cầu thiết kế):

- Đo vẽ bình đồ tổng thể tỉ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5 mét.

III. Biện pháp kỹ thuật:

- Căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành, và quy định trong công tác đo đạc công trình.
- Căn cứ Trắc địa công trình và bản đồ kỹ thuật số xuất bản năm 1997.
- Phương pháp, công nghệ đo đạc mới trong thi công và xây lắp công trình của Viện Khoa học Công nghệ xây dựng thuộc Bộ Xây dựng xuất bản năm 2001.
- Bản đồ quy hoạch chung toàn thành phố Quy Nhơn đến năm 2020 do Viện quy hoạch đô thị nông thôn lập năm 2004;
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 do Sở Tài nguyên & Môi trường lập;
- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/20.000 của Bộ Tài nguyên & Môi trường lập;
- Căn cứ theo địa hình thực tế và yêu cầu độ chính xác của công trình, đơn vị khảo sát địa hình tiến hành thực hiện các biện pháp kỹ thuật như sau :

1- Khống chế mặt bằng:

Xác định 2 điểm tọa độ chuẩn của Bộ Tài nguyên & Môi trường (đã được chọn mốc cố định) làm 2 điểm chính và bố trí 2 điểm đường chuyền cấp 2 (ĐCII), để khống chế cho toàn khu đo.

- Tại các điểm địa chính (ĐCII) đặt máy toàn đạc giao hội điểm để xác định tọa độ, đo góc phương vị từ. Đo cạnh trực tiếp xác định tọa độ cho địa chính.
- Đo góc bằng phương pháp toàn vòng với 2 lần đo,

05/03/2014 14

Các sai số độ góc 2C, khép hướng,... đảm bảo quy phạm.

+ Tính toạ độ khép về ban đầu : $\leq 0,05 \text{ m}$.

+ Khép cạnh : $f_s/s \leq 1/5000$.

2- Thuỷ chuẩn kỹ thuật:

Từ mốc cao độ ĐCII, hệ toạ độ chuẩn quốc gia VN 2.000 của toàn khu vực, có cao độ chuẩn là: +14,95 dẫn chuyển cao độ cho các điểm đường chuyển, trạm máy cơ sở tuân theo Quy phạm đo đạc chuyên ngành.

3- Bình đồ có tỷ lệ: 1/500 cho toàn khu vực:

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu thiết kế, khảo sát ngoài bản đồ tổng thể địa hình có tỷ lệ: 1/25.000, 1/10.000 của thành phố Quy Nhơn còn có bản đồ địa chính (được đo đạc của xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn) để tiến hành đo bình đồ tỷ lệ 1/500 có đường đồng mức 0,5m. Phải thoả mãn các yêu cầu sau :

Cự ly tầm ngắm : $\leq 80\text{m}$ cho điểm mìa thể hiện địa hình, $\leq 60\text{m}$ cho điểm mìa thể hiện địa vật. Cự ly giữa các điểm mìa từ 5m đến 15m.

Các ký hiệu được tuân thủ thống nhất theo quy định đo đạc bản đồ của nhà nước, hướng chữ số, bản đồ khu khảo sát được quay về hướng Bắc, chênh cao giữa các đường đồng mức là 0,5m. Bình đồ phải đối chiếu kiểm tra thực địa trước khi giao cho bộ phận thiết kế.

IV. Phân cấp địa hình:

Căn cứ Đơn giá xây dựng công trình- Phần khảo sát xây dựng tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Văn bản số 3373/UBND- XD ngày 29/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định, với địa hình thực tế khu vực công trình.

Tuân thủ các quy định, quy trình của đơn giá cho phép dùng để tính dự toán cho công trình.

05/03/20

PHẦN BA

KẾT QUẢ VÀ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

Qua quá trình triển khai công việc đo đạc đến giai đoạn hoàn thiện công tác khảo sát địa hình công trình, chúng tôi tiến hành kiểm tra biện pháp thực hiện và khối lượng đo đạc.

Đường chuyển cấp 2, địa hình cấp III : 10 điểm.

Bình đồ 1/500 : Địa hình cấp III.

Diện tích đo vẽ : F = 35,0 ha.

Thủy chuẩn kỹ thuật : L = 5,0 Km.

I. Kiểm tra thiết bị dụng cụ :

Chúng tôi tiến hành kiểm tra thiết bị dụng cụ hiện có: Máy toàn đạc điện tử hiệu Leica TC-405 của Thụy Sĩ chính hãng, máy GPS cầm tay. Các sai số đều đạt trong phạm vi cho phép, ống kính và độ bền phần quang học rõ ràng và trong suốt, các trục phần cơ đều nhẹ nhàng bảo đảm được độ chính xác.

II. Kiểm tra tài liệu và khối lượng :

1. Đường chuyển cấp 2: (Số điểm: 10, cấp địa hình: cấp III)

Được đo góc phương vị tương đối theo hướng Bắc.

Các chỉ tiêu đo góc đều đạt theo quy định đo góc bằng :

- Sai số 2C lớn nhất + 05", cho phép + 20".

- Sai số khép hướng ban đầu + 05", cho phép + 12".

- Sai số chênh lệch giữa các vòng đo lớn nhất - 8", cho phép + 20".

- Tính toán tọa độ theo tuyến dẫn đường chuyển khép kín, với kết quả khép tọa độ $= 1/25600 < 1/10.000$ đạt yêu cầu quy phạm cho phép.

2. Thủy chuẩn kỹ thuật:

Cao độ tại ĐCII là 14,95 mét dẫn đường chuyển cao độ cho các điểm đường chuyển, trạm máy cũng là mốc chuẩn để lưu cao độ thì công đúng theo cao độ nhà nước đã kiểm tra. Thông qua tài liệu đều đảm bảo đảm tin cậy, các chỉ tiêu quy phạm đều đạt yêu cầu.

- Sai số đo đạc : fh = +05 mm.

- Sai số cho phép : [fh] = $\pm 50/K$ (K là chiều dài tính bằng Km).
= $\pm 27\text{mm} > +5\text{mm}$. Đạt yêu cầu.

- Cự ly từ máy đến 2 mia dài nhất 80m, cho phép 150 m.

05/03/2014

- Chênh lệch cự ly cộng dồn 2 mìa = + 2m, cho phép ± 10 m.

3. Do vẽ bình đồ:

Bình đồ 1/500 đường đồng mức 1,0m. Địa hình cấp III : $F = 35,0$ ha.

Đối với tỷ lệ 1/500 đơn vị khảo sát đã thể hiện khá tỉ mỉ. Chúng tôi kiểm tra đặt máy tại một cọc kiểm tra các điểm chi tiết đều đạt yêu cầu cho phép đối với tọa độ, độ cao của điểm mĩa, hầu hết đủ để phục vụ cho công tác thiết kế quy hoạch chi tiết công trình tại xã Phước Mỹ.

Tóm lại, với bình đồ tỷ lệ 1/500 tại xã Phước Mỹ được kẻ trên chúng tôi đã kiểm tra và bổ sung những thiếu sót đảm bảo đủ điều kiện cho việc triển khai thiết kế quy hoạch chi tiết.

Trên đây là báo cáo khảo sát công trình quy hoạch tâm xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn theo tỷ lệ 1/500, kính đề nghị Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt./.

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2009

TT QUY HOẠCH & KIỂM ĐỊNH XD



GIÁM ĐỐC

Ho Thanh Tín

05/03/2014

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ RANH GIỚI KHU ĐẤT

STT	Ký hiệu (R)	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	R - 1	593393,25	1518898,12
2	R - 2	595283,71	1518908,28
3	R - 3	595108,59	1518858,88
4	R - 4	595082,15	1518845,62
5	R - 5	595030,64	1518834,84
6	R - 6	594986,44	1518830,71
7	R - 7	594909,09	1518834,23
8	R - 8	594860,94	1518841,27
9	R - 9	594795,24	1518845,31
10	R - 10	594707,84	1518834,18
11	R - 11	594643,96	1518547,88
12	R - 12	594484,46	1518023,88
13	R - 13	594638,40	1517836,98
14	R - 14	594715,08	1517778,90
15	R - 15	594722,03	1517768,99
16	R - 16	594736,44	1517777,69
17	R - 17	594744,36	1517784,38
18	R - 18	594773,51	1517822,16
19	R - 19	594782,18	1517854,69
20	R - 20	594854,15	1517978,68
21	R - 21	594920,65	1518098,85
22	R - 22	594957,92	1518191,08
23	R - 23	595028,32	1518416,94
24	R - 24	595083,51	1518624,74

05/03/2014 14